

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA
PHẠM NGỌC THẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 3222./QĐ-TĐHYKPNT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ Bác sĩ nội trú

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐT-TĐHYKPNT ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính Phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong khối ngành sức khỏe;

Căn cứ Quyết định số 19/2006/QĐ-BYT ngày 04 tháng 7 năm 2006 của Bộ Y tế ban hành quy chế đào tạo Bác sĩ nội trú;

Căn cứ công văn số 8330/BYT-K2ĐT ngày 23 tháng 12 năm 2011 của Bộ Y tế về việc cải tiến thi tuyển sinh đào tạo Bác sĩ nội trú;

Căn cứ công văn số 3077/BYT-K2ĐT ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Bộ Y tế về việc bảo đảm chất lượng nhân lực y tế trình độ Chuyên khoa cấp I, Chuyên khoa cấp II và Bác sĩ nội trú;

Căn cứ Quyết định số 2823/QĐ-TĐHYKPNT ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc phân công nhiệm vụ và ủy quyền ký văn bản giữa Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý đào tạo Sau Đại học tại Tờ trình số 458/TTr-QLĐTSDH ngày 09 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo trình độ Bác sĩ nội trú của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1469/QĐ-TĐHYKPNT ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch ban hành quy chế đào tạo trình độ Bác sĩ nội trú.

Điều 3. Trưởng Phòng Quản lý đào tạo Sau Đại học, Trưởng các đơn vị thuộc Trường và học viên trình độ Bác sĩ nội trú chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HT và các PHT (để b/c);
- Lưu: VT, P.QLĐTSDH (Tr_10b).



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

PGS.TS.DS. Nguyễn Đăng Thoại

QUY CHẾ

Đào tạo trình độ Bác sĩ nội trú

(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/QĐ-TĐHTYKPNT ngày 23 tháng 7 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)

Chương I

MỤC TIÊU, ĐỐI TƯỢNG VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

Điều 1. Mục tiêu

Đào tạo bác sĩ nội trú (sau đây gọi tắt là BSNT) nhằm mục đích đào tạo nhân tài trẻ của ngành y tế, các bác sĩ chuyên khoa giỏi có kiến thức khoa học cơ bản vững, kiến thức chuyên ngành hệ thống, kỹ năng thực hành cao, chủ động giải quyết thành thạo những vấn đề chuyên môn cơ bản thuộc chuyên ngành đào tạo.

Điều 2. Đối tượng đào tạo

1. Những người vừa mới tốt nghiệp hệ đại học hệ chính quy thuộc ngành học đúng với chuyên ngành dự thi, đạt loại khá trở lên, không giới hạn tuổi và chỉ được dự thi một lần ngay sau khi tốt nghiệp đại học.

2. Trong các năm học đại học không bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên, không bị dừng học tập (trừ lý do sức khỏe).

3. Có đủ sức khỏe; lý lịch bản thân rõ ràng, được chứng thực theo quy định pháp luật hoặc được xác nhận của cơ quan nơi đang làm việc; Không thuộc một trong các trường hợp sau đây: đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án; đã chấp hành xong bản án, quyết định hình sự của Tòa án nhưng chưa được xóa án tích; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc cơ sở giáo dục bắt buộc.

4. Người nước ngoài muốn học BSNT phải có đủ các điều kiện quy định tại Điều 2 của Quy chế này, được Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam giới thiệu và phải được Bộ Y tế chấp thuận.

Điều 3. Hình thức và thời gian đào tạo

1. Hình thức đào tạo: chính quy tập trung.

2. Thời gian đào tạo: 3 năm, học viên phải thường trú tại bệnh viện hoặc cơ sở thực hành do Khoa/ Bộ môn phân công để học tập, làm việc thường xuyên (trừ những buổi học tại trường do nhà trường quy định).

Chương II

TỔ CHỨC VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 4. Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (sau đây gọi tắt là Trường) đảm bảo các tiêu chuẩn sau

1. Tiêu chuẩn giảng viên chủ trì chương trình đào tạo và tính chỉ tiêu:

a) Có tối thiểu 3 giảng viên chuyên ngành là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, chuyên khoa cấp II chịu trách nhiệm chủ trì cho mỗi chuyên ngành đào tạo, trong đó có thể có 01 giảng viên thỉnh giảng.

b) Mỗi giảng viên chuyên ngành phụ trách tối đa 03 học viên BSNT bao gồm tất cả các khóa và các hình thức đào tạo.

c) Số lượng giảng viên chuyên ngành bao gồm giảng viên cơ hữu của cơ sở đào tạo và giảng viên thỉnh giảng là cán bộ cơ hữu của cơ sở thực hành đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính Phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong khối ngành sức khỏe. Một người chỉ được tính là giảng viên chuyên ngành của 01 (một) ngành/chuyên ngành và của 01 (một) trình độ đào tạo ở 01 (một) cơ sở đào tạo.

2. Tiêu chuẩn giảng viên giảng dạy lý thuyết

a) Giảng viên giảng dạy BSNT là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp II.

b) Bác sĩ chính, Dược sĩ chính có trình độ Chuyên khoa cấp I và thạc sĩ có thể tham gia giảng dạy với tư cách trợ giảng.

3. Tiêu chuẩn giảng viên giảng dạy thực hành lâm sàng

Giảng viên giảng dạy thực hành lâm sàng đáp ứng yêu cầu đối với người giảng dạy thực hành ngành, chuyên ngành đào tạo về tổ chức đào tạo thực hành theo quy định tại Nghị định số 111/2017/NĐ-CP, gồm:

a) Tại cùng một thời điểm, một người giảng dạy thực hành chỉ được giảng dạy không quá 05 người học thực hành đối với đào tạo trình độ sau đại học;

b) Có văn bằng, trình độ, kinh nghiệm chuyên môn phù hợp với trình độ, ngành/chuyên ngành giảng dạy thực hành; trình độ của người giảng dạy thực hành không được thấp hơn trình độ đang được đào tạo của người học thực hành;

c) Đã có đủ thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau khi có Giấy phép/chứng chỉ hành nghề liên tục ở ngành/chuyên ngành giảng dạy thực hành đến thời điểm giảng dạy thực hành ít nhất là 36 tháng đối với đào tạo trình độ sau đại học;

d) Đã được bồi dưỡng phương pháp dạy - học lâm sàng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế, trừ trường hợp người giảng dạy thực hành đã có chứng chỉ phương pháp dạy - học mà trong chương trình đào tạo đã có nội dung về phương pháp dạy - học lâm sàng.

Điều 5. Thi tuyển

1. Việc thi tuyển thực hiện theo quy định của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định của Trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Hội đồng tuyển sinh BSNT do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập.

3. Mỗi năm chỉ tổ chức thi tuyển 1 lần theo chỉ tiêu tự xác định và chịu trách nhiệm về chỉ tiêu tuyển sinh và quy mô đào tạo theo từng ngành/chuyên ngành với tỷ lệ quy mô học viên tại thời điểm xác định chỉ tiêu theo quy chế đào tạo. Trường hợp điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh, Trường gửi công văn báo cáo việc điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh về Bộ Y Tế (qua Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo) trước khi tổ chức tuyển sinh.

4. Môn thi:

a) Môn thi 1: Toán thống kê.

b) Môn thi 2: Môn ngoại ngữ: thí sinh được chọn một trong hai ngoại ngữ: Anh, Pháp. Mức độ đề thi tương đương trình độ bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

c) Môn thi 3: Đề thi tổng hợp bao gồm: Giải phẫu, Sinh lý, Hoá sinh, Y sinh học di truyền.

d) Các môn thi tùy thuộc vào chuyên ngành đăng ký dự thi:

- Thí sinh đăng ký các chuyên ngành hệ Ngoại (trừ chuyên ngành Sản phụ khoa) môn thi 4 là *Ngoại khoa*, môn thi 5 là *Sản phụ khoa*.

- Thí sinh đăng ký các chuyên ngành hệ Nội (trừ chuyên ngành Nhi khoa) môn thi 4 là *Nội khoa*, môn thi 5 là *Nhi khoa*.
- Thí sinh đăng ký chuyên ngành Sản phụ khoa môn thi 4 là *Sản phụ khoa*, môn thi 5 là *Ngoại khoa*.
- Thí sinh đăng ký chuyên ngành Nhi khoa môn thi 4 là *Nhi khoa*, môn thi 5 là *Nội khoa*.

đ) Nội dung cụ thể mỗi môn thi do Trường quy định.

5. Điều kiện miễn thi môn Ngoại ngữ:

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục & Đào tạo công nhận văn bằng tương đương theo quy định hiện hành;
- b) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;
- c) Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3 trở lên theo Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực trong thời gian 2 năm tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày dự thi.

Điều 6. Hồ sơ xin dự tuyển

1. 01 tấm ảnh màu (3*4 cm) chụp không quá 6 tháng.
2. Bản sao giấy khai sinh.
3. Phiếu đăng ký dự tuyển ghi rõ chuyên ngành xin học.
4. Bản sao có chứng thực Bảng điểm các năm đại học.
5. Bản sao có chứng thực Bằng tốt nghiệp đại học.
6. Giấy xác nhận tốt nghiệp loại khá trở lên, không bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên, không bị dừng học tập (trừ lý do sức khỏe) của trường tốt nghiệp đại học.
7. Sơ yếu lý lịch được chứng thực theo quy định pháp luật hoặc được xác nhận của cơ quan nơi đang làm việc.
8. Giấy khám sức khỏe của cơ sở y tế có thẩm quyền còn hiệu lực trong thời gian 06 tháng tính đến ngày dự thi
9. Đơn xin miễn thi môn Ngoại ngữ (nếu có), kèm bản sao có chứng thực văn bằng/chứng chỉ Ngoại ngữ.

Điều 7. Điều kiện trúng tuyển

1. Các môn thi đều phải đạt 5 điểm trở lên, riêng môn chuyên ngành phải đạt 7 điểm trở lên (thang điểm 10, làm tròn đến hai chữ số thập phân), trong đó Môn thi 4 được coi là môn chuyên ngành.

2. Môn ngoại ngữ được dùng để xét chọn khi có những thí sinh bằng điểm nhau, không tính vào tổng điểm.

3. Tính tổng điểm các môn thi (không tính môn Ngoại ngữ), xếp thứ tự từ cao xuống thấp, lấy đến khi đủ chỉ tiêu của từng chuyên ngành đã được phê duyệt.

4. Trường hợp thí sinh đồng điểm sẽ được xét theo thứ tự:

- a) Thí sinh có điểm Môn 4 cao hơn;
- b) Thí sinh có điểm Môn 5 cao hơn;
- c) Thí sinh được miễn thi Ngoại ngữ;
- d) Thí sinh có điểm cao hơn của môn Ngoại ngữ.

5. Phòng Quản lý đào tạo Sau Đại học tham mưu Hiệu trưởng ban hành quyết định công nhận trúng tuyển, báo cáo Bộ Y tế.

Điều 8. Chương trình đào tạo BSNT

Chương trình đào tạo BSNT gồm 150 đơn vị học trình, khoảng 100 tín chỉ, trong đó phần thực hành ít nhất 50% thời lượng của chương trình đào tạo, bố trí ít nhất 15% khối lượng học tập là các học phần tự chọn để đáp ứng nhu cầu của học viên. Cụ thể như sau:

- 1. Các môn chung: Triết học, Ngoại ngữ, Tin học, Phương pháp giảng dạy, Phương pháp nghiên cứu khoa học chiếm khoảng 15%.
- 2. Các môn cơ sở và hỗ trợ chiếm khoảng 14%.
- 3. Các môn chuyên ngành không ít hơn 50%.
- 4. Môn thi tốt nghiệp gồm 3 phần (ngoại ngữ, lý thuyết và thực hành) có khối lượng 4 đơn vị học trình.
- 5. Luận văn khoảng 18%.

Đề cương môn học do Bộ môn xây dựng, thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa phê duyệt.

Điều 9. Đánh giá các môn học/học phần

- 1. Điểm đạt học phần

a) Điểm được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến 0.5 điểm.

b) Điểm đạt các học phần các môn chung và cơ sở hỗ trợ là 6 điểm và các môn chuyên ngành là 7 điểm.

c) Môn Ngoại ngữ: Học viên đạt trình độ bậc 4 của Khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam được miễn học, miễn thi theo Thông báo về việc miễn học miễn thi môn Ngoại ngữ hằng năm của Phòng Quản lý đào tạo Sau Đại học. Trường hợp học viên đã học và có điểm thi kết thúc học phần Ngoại ngữ nhưng có nguyện vọng nộp chứng chỉ Ngoại ngữ đủ điều kiện để xét miễn học miễn thi thì được tính là Miễn thi theo Quyết định.

d) Môn Tin học: học viên có thể tự học, nhưng phải thi đạt chuẩn đầu ra.

đ) Học viên có ít hơn hoặc bằng $\frac{1}{3}$ số chứng chỉ không đạt, được thi lần hai; có quá $\frac{1}{3}$ chứng chỉ không đạt hoặc có môn nào thi lần 2 không đạt, buộc phải thôi học.

2. Cách tính điểm học phần:

a) Đối với các môn chung: gồm một cột điểm Trung bình học phần.

b) Đối với các môn cơ sở hỗ trợ và chuyên ngành:

- Các môn học chỉ có lý thuyết hoặc chỉ có thực hành: gồm một cột điểm Trung bình học phần.

- Các môn học có cả lý thuyết và thực hành (lab): gồm ba cột điểm: Lý thuyết, Thực hành và Trung bình học phần, trong đó điểm Trung bình học phần được tính căn cứ vào tỷ lệ từng phần để tổng hợp thành điểm chung.

- Các môn học có cả lý thuyết và thực hành (lâm sàng): gồm ba cột điểm: Lý thuyết, Thực hành và Trung bình học phần, trong đó điểm lý thuyết và thực hành đều phải đạt điểm theo quy định.

Điều 10. Thi tốt nghiệp

1. Điều kiện thi tốt nghiệp: Học viên được dự thi tốt nghiệp sau khi hoàn thành chương trình đào tạo BSNT quy định tại Điều 8 và đạt điểm kết thúc các môn học/học phần quy định tại Điều 9 của Quy chế này, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập và đã đóng đầy đủ học phí theo quy định.

2. Môn thi tốt nghiệp gồm: môn chuyên ngành (bao gồm lý thuyết, thực hành) và môn ngoại ngữ (trình độ C hoặc Bậc 4 của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, có phần ngoại ngữ chuyên ngành).

3. Điểm thi tốt nghiệp của từng phần được tính độc lập và phải đạt từ 7 điểm trở lên (thang điểm 10).

4. Hội đồng Thi – Xét tốt nghiệp:

a) Hội đồng Thi – Xét tốt nghiệp BSNT do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập.

b) Hội đồng Thi – Xét tốt nghiệp quyết định nội dung và hình thức thi tốt nghiệp.

Điều 11. Luận văn tốt nghiệp

1. Luận văn tốt nghiệp BSNT có tối thiểu 15.000 từ (khoảng 50 trang không kể bảng biểu, đồ thị, hình vẽ, danh mục tài liệu tham khảo). Nội dung Luận văn phải thể hiện được các kiến thức về lý thuyết và thực hành trong lĩnh vực chuyên môn, về phương pháp giải quyết vấn đề đã được đặt ra. Các kết quả của Luận văn phải chứng tỏ tác giả đã biết vận dụng phương pháp nghiên cứu và những kiến thức tiếp thu được trong quá trình học tập để hoàn thành đề tài.

2. Hình thức Luận văn: được quy định cụ thể theo mẫu của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch được công bố công khai trên trang web của Trường.

3. Cuối năm thứ hai, Khoa/ Bộ môn đề xuất thành lập hội đồng thông qua đề cương Luận văn tốt nghiệp của học viên, hướng dẫn học viên xin giấy chấp thuận về mặt y đức trong nghiên cứu y sinh và gửi hồ sơ về Phòng Quản lý đào tạo Sau Đại học, bao gồm:

a) Tên đề tài, bảng phân công người hướng dẫn Luận văn tốt nghiệp theo quy định, mỗi Luận văn có tối đa là 2 người hướng dẫn;

b) Biên bản trình đề cương Luận văn tốt nghiệp;

c) Giấy chấp thuận về mặt đạo đức trong nghiên cứu y sinh của từng đề tài luận văn;

d) Lý lịch khoa học và bản sao Bằng cấp được chứng thực của người hướng dẫn Luận văn (đối với người mới hướng dẫn Luận văn lần đầu hoặc chưa có hồ sơ lưu tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch);

4. Trên cơ sở đề nghị của trưởng Khoa và trưởng Phòng Quản lý đào tạo Sau Đại học, Hiệu trưởng ra quyết định giao đề tài cho học viên và cử người hướng dẫn trước khi tổ chức bảo vệ Luận văn ít nhất 6 tháng.

5. Thay đổi về đề tài Luận văn và người hướng dẫn trong quá trình đào tạo, học viên làm đơn theo mẫu và chỉ thực hiện trong 3 tháng đầu sau khi có Quyết định công nhận tên đề tài.

6. Quy định về tiêu chuẩn người hướng dẫn Luận văn BSNT

a) Có Lý lịch bản thân rõ ràng, có phẩm chất đạo đức và tư cách tốt;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư, có bằng tiến sĩ, tiến sĩ khoa học hoặc Chuyên khoa II được phép hướng dẫn Bác sĩ nội trú kể từ khi có quyết định công nhận Tiến sĩ hoặc chuyên khoa cấp II;

c) Có năng lực chuyên môn tốt và hiện đang hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyên môn tại các cơ sở y tế, viện, bệnh viện thực hành đào tạo Bác sĩ nội trú;

d) Có các bài báo, công trình nghiên cứu khoa học công bố trong 5 năm trở lại đây;

đ) Mỗi học viên có tối đa hai người cùng hướng dẫn;

e) Những người hướng dẫn lần đầu tham gia hướng dẫn khoa học cần phải gửi lý lịch khoa học có xác nhận của cơ quan công tác và bản sao bằng cấp, học hàm học vị có chứng thực (đối với bằng được cấp bởi cơ sở đào tạo tại nước ngoài phải đính kèm bản sao có chứng thực Công nhận của Cục khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục - Bộ Giáo dục và đào tạo) về Phòng Quản lý đào tạo Sau Đại học trước khi tham gia hướng dẫn tối thiểu 1 tháng. Phòng Quản lý đào tạo Sau Đại học tổng hợp trình Hiệu trưởng xem xét và phê duyệt.

7. Quy định về điều kiện bảo vệ Luận văn tốt nghiệp: học viên được bảo vệ Luận văn tốt nghiệp khi đáp ứng các quy định sau:

a) Đã hoàn thành chương trình đào tạo BSNT và được Hội đồng Thi - Xét tốt nghiệp thông qua điều kiện được bảo vệ Luận văn tốt nghiệp;

b) Đã hoàn thành Luận văn được người hướng dẫn và trưởng bộ môn đồng ý cho bảo vệ;

c) Không đang trong thời gian chịu kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Nếu học viên sử dụng toàn bộ hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể đồng tác giả thì phải có sự đồng ý của các thành viên trong tập thể đó cho phép học viên sử dụng;

đ) Đã kiểm tra kết quả tương đồng của Luận văn sử dụng phần mềm Turnitin và có tỷ lệ tương đồng đạt theo Quy định chống đạo văn tại Trường;

e) Đã đóng phí bảo vệ Luận văn theo quy định.

8. Quy định về tiêu chuẩn thành viên Hội đồng đánh giá Luận văn

a) Hội đồng đánh giá Luận văn BSNT do Hiệu trưởng ký Quyết định thành lập, gồm 5 thành viên: Chủ tịch Hội đồng, Ủy viên thư ký, 02 người Nhận xét và Ủy viên.

b) Hội đồng có ít nhất 02 thành viên không thuộc Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.

c) Điều kiện thành viên Hội đồng đánh giá Luận văn:

- Các thành viên không có quan hệ cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột của người bảo vệ Luận văn.

- Các thành viên có chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư hoặc có bằng Tiến sĩ, Tiến sĩ khoa học, Chuyên khoa cấp II trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp. Người chưa có chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư phải đáp ứng thêm yêu cầu về thời gian 24 tháng trở lên kể từ khi có Quyết định công nhận tốt nghiệp/ Quyết định công nhận học vị.

- Chủ tịch hội đồng là người có năng lực chuyên môn, kinh nghiệm, uy tín khoa học và hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, có kinh nghiệm trong tổ chức điều hành công việc của hội đồng; Ví dụ: đề tài về lĩnh vực tim mạch sẽ do các thầy cô đang công tác trong lĩnh vực tim mạch chủ trì.

- Người nhận xét phải là người am hiểu sâu sắc lĩnh vực của đề tài Luận văn, có năng lực chuyên môn, kinh nghiệm, uy tín khoa học và hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, không được là đồng tác giả trong các công trình có liên quan đến đề tài Luận văn.

d) Không được tiến hành bảo vệ Luận văn nếu xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Vắng mặt Chủ tịch hội đồng.
- Vắng mặt Ủy viên Thư ký hội đồng.

- Vắng mặt người nhận xét có ý kiến không tán thành Luận văn.
- Vắng mặt từ 2 thành viên hội đồng trở lên.
- Học viên không đủ sức khoẻ trong thời điểm bảo vệ.

9. Điểm Luận văn

a) Điểm Luận văn là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên hội đồng có mặt trong buổi chấm Luận văn, phải đạt từ 7 điểm trở lên theo thang điểm 10; làm tròn đến hai chữ số thập phân.

b) Thành viên Hội đồng cho điểm Luận văn của học viên vào phiếu chấm điểm đã được đóng dấu treo của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch. Trường hợp thành viên Hội đồng không tham dự buổi họp chấm Luận văn của học viên phải nộp lại phiếu chấm điểm cho Phòng Quản lý đào tạo Sau Đại học.

c) Điểm phải được ghi bằng số và bằng chữ và phải ghi rõ họ tên và chữ ký của thành viên Hội đồng. Trường hợp có chỉnh sửa điểm phải có chữ ký xác nhận tại chỗ điểm được sửa.

d) Phiếu không hợp lệ là phiếu không có đóng dấu treo, không ghi họ tên, không cho điểm hoặc cho điểm hai lần. Các phiếu không hợp lệ sẽ bị loại và chỉ tính điểm các phiếu hợp lệ.

Điều 12. Công nhận tốt nghiệp và điểm trung bình toàn khóa

1. Phòng Quản lý đào tạo Sau Đại học tham mưu Hiệu trưởng ra quyết định công nhận tốt nghiệp và báo cáo kết quả tốt nghiệp cho Bộ Y tế (Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo).

2. Học viên tốt nghiệp sẽ được cấp bằng BSNT, bằng Chuyên khoa cấp I theo từng chuyên ngành.

3. Trường hợp học viên đã hoàn thành chương trình đào tạo nhưng không đạt tốt nghiệp BSNT thì được xem xét cấp bằng Chuyên khoa cấp I nếu đáp ứng các điều kiện theo quy chế Chuyên khoa cấp I.

4. Cách tính điểm trung bình toàn khóa:

$$A = \frac{\sum (a_i \times n_i)}{\sum n_i}$$

Điểm trung bình toàn khóa của học viên BSNT được tính bằng cách lấy tổng điểm của từng học phần sau khi đã nhân với số đơn vị học trình/tín chỉ tương ứng, chia

cho tổng số đơn vị học trình/tín chỉ của toàn khóa. Kết quả được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

Trong đó:

A là điểm trung bình chung toàn khóa.

a_i là điểm học phần thứ i .

n_i là số tín chỉ/ĐVHT của học phần thứ i .

$n = \sum n_i$ là tổng số tín chỉ/ĐVHT.

Điểm trung bình toàn khóa để xét buộc thôi học và xếp loại tốt nghiệp.

Xếp loại tốt nghiệp dựa vào điểm trung bình toàn khóa theo thang điểm 10:

- Từ 9,0 đến 10,0: Xuất sắc
- Từ 8,0 đến dưới 9,0: Giỏi
- Từ 7,0 đến dưới 8,0: Khá.

Chương III

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN LỢI CỦA HỌC VIÊN

Điều 13. Nhiệm vụ

1. Học viên phải chấp hành đầy đủ các quy chế, quy định về đào tạo BSNT; các quy chế, quy định của cơ sở thực hành và nhà trường.
2. Học viên phải hoàn thành kế hoạch đào tạo đúng thời hạn quy định. Học viên có lý do chính đáng có thể tạm dừng học tập một lần và bảo lưu kết quả học tập một năm.
3. Học viên thường xuyên theo dõi lịch khung thông báo lịch học thông báo lịch học các môn học của Phòng Quản lý đào tạo Sau Đại học.
4. Học viên phải đeo thẻ học viên khi học tập ở Trường và các cơ sở thực hành, phải trình thẻ học viên khi dự thi các môn học, thi tốt nghiệp, khi liên hệ xin cấp các loại giấy chứng nhận, khi tham khảo tài liệu tại thư viện và khi vào phòng thí nghiệm thuộc Trường.
5. Học viên phải đóng kinh phí đào tạo theo quy định của nhà trường

Điều 14. Quyền lợi

1. Học viên được sử dụng thư viện, các tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm của Trường phục vụ cho học tập.

2. Học viên có điểm trung bình thủ khoa toàn khóa được khen thưởng theo quy chế của Trường.

3. Học viên sinh con trong thời gian học, bắt buộc phải nghỉ học theo chế độ thai sản hiện hành để bảo vệ sức khỏe mẹ và con và được bảo lưu kết quả học tập.

Điều 15. Liên thông các loại hình đào tạo

Việc liên thông chuyển đổi các loại hình đào tạo Chuyên khoa cấp II, Tiến sĩ trong lĩnh vực y tế thực hiện theo quy định của Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 16. Quản lý học viên BSNT

1. Học viên được sự quản lý của Bộ môn và Phòng Quản lý đào tạo Sau Đại học suốt khoá học. Tham gia công tác học tập, nghiên cứu do bộ môn phân công.

2. Học viên muốn bảo lưu kết quả học tập phải làm đơn gửi Phòng Quản lý đào tạo Sau Đại học, có sự đồng ý của Trưởng khoa và cơ quan chủ quản (nếu có). Phòng Quản lý đào tạo Sau Đại học sẽ ra quyết định bảo lưu cho học viên tối đa 1 năm.

3. Khi vắng mặt do đi học các chứng chỉ hoặc nghiên cứu ở nơi khác phải có đơn xin phép, được sự đồng ý của Bộ môn và Phòng Quản lý đào tạo Sau Đại học.

4. Buộc thôi học khi học viên có một trong các nội dung sau:

a) Thi lần 2 không đạt hoặc học lại, thi lại chiếm 1/3 tổng số môn;

b) Không đóng học phí theo quy định của nhà trường.

c) Hết niên hạn học theo quy định (thời gian tối đa là 3 năm).

d) Có hành vi gian lận trong tuyển sinh, học tập, bảo vệ Luận văn, đề án hoặc gian lận trong việc làm hồ sơ để được cấp văn bằng, chứng chỉ;

đ) Sử dụng kết quả của người khác hoặc sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong Luận văn, đề án và bị hội đồng thẩm định kết luận nếu cắt bỏ những phần sử dụng, sao chép, trích dẫn đó thì Luận văn, đề án không đạt yêu cầu;

e) Nhờ hoặc thuê người khác làm hộ Luận văn, đề án.

Chương IV

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN LỢI CỦA GIẢNG VIÊN

Điều 17. Nhiệm vụ

1. Tham gia xây dựng kế hoạch bài giảng và biên soạn bài giảng theo nhiệm vụ phân công.

2. Hướng dẫn, theo dõi và đôn đốc học viên học tập đảm bảo đúng kế hoạch và chất lượng đào tạo.

Điều 18. Quyền lợi

Giảng viên được thực hiện các quyền theo quy định của Luật Nhà giáo, Luật Giáo dục Đại học, các quy định pháp luật khác có liên quan và quy định của Trường.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Điều 19. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Trường

1. Phòng Quản lý đào tạo Sau Đại học được giao nhiệm vụ quản lý toàn bộ quá trình đào tạo theo quy chế đào tạo BSNT của Bộ Y tế.

2. Phòng Quản lý Thực hành lâm sàng có trách nhiệm kết hợp với cơ sở thực hành trong quá trình đào tạo đảm bảo việc thực hành cho học viên BSNT.

3. Khoa có trách nhiệm rà soát, cập nhật, công bố chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo theo các yêu cầu về chuyên môn tại các quy định hiện hành, chú trọng nâng cao kỹ năng thực hành nghề nghiệp và xác định phương pháp lượng giá và hình thức thi phù hợp để đạt chuẩn đầu ra.

Điều 20. Trách nhiệm của viện, bệnh viện và cơ sở thực hành khác

1. Cơ sở thực hành là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện ít nhất 50% thời lượng của chương trình thực hành và đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Là bệnh viện hạng I hoặc bệnh viện được phép thực hiện kỹ thuật thuộc danh mục kỹ thuật từ tuyến I trở lên đối với đào tạo trình độ sau đại học.

b) Có ít nhất 20% người giảng dạy chương trình thực hành là người làm việc cơ hữu của cơ sở giáo dục có đăng ký hành nghề tại cơ sở thực hành và được cơ sở thực hành bố trí làm công tác khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh phù hợp với năng lực, kinh nghiệm và phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề.

2. Ký hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành: Trường và cơ sở thực hành căn cứ theo chương trình, kế hoạch đào tạo thực hành thỏa thuận, ký hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành theo từng khóa học (ký hằng năm cho từng khóa tuyển sinh). Hợp đồng chi tiết về đào tạo được ký theo từng năm học, theo từng chương trình, kế hoạch đào tạo thực hành, cụ thể cho từng trình độ ngành/chuyên ngành đào tạo. Hợp

đồng chi tiết về đào tạo thực hành được ký sau khi Trường và cơ sở thực hành thống nhất ban hành kế hoạch đào tạo thực hành.

3. Các viện, bệnh viện và cơ sở y tế được Trường đề nghị là cơ sở thực hành có trách nhiệm tham gia đào tạo với nhà trường đảm bảo kế hoạch nhiệm vụ được phân công, đảm bảo chất lượng đào tạo thực hành theo chương trình đào tạo thực hành.

Điều 21. Kinh phí đào tạo

Trường quản lý, sử dụng kinh phí đào tạo BSNT và các nguồn thu khác theo quy định.

Chương VI

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 22. Khen thưởng

1. Học viên tốt nghiệp có thành tích học tập cao nhất của cấp đào tạo được Trường khen thưởng.

2. Các đơn vị và cá nhân thuộc Trường có thành tích cao được Trường khen thưởng theo quy định.

Điều 23. Xử lý vi phạm

Các đơn vị, cá nhân tham gia quá trình tuyển sinh, đào tạo BSNT vi phạm Quy chế này và quy định pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của Trường và quy định pháp luật có liên quan.

Chương VII

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, LƯU TRỮ VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Chế độ lưu trữ, báo cáo

1. Phòng Quản lý đào tạo Sau Đại học lưu trữ và bảo quản hồ sơ theo quy định hiện hành về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Phòng Quản lý đào tạo Sau Đại học có trách nhiệm báo cáo hằng năm các kết quả thi tuyển, kết quả thi tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp của học viên BSNT cho Bộ Y Tế.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày quyết định ban hành. Đối với quy định tại Điều 9, Điều 12, Điều 16 của Quy chế đào tạo này được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2023 tại Trường.
2. Trong quá trình thực hiện Quy chế này nếu có khó khăn vướng mắc, các đơn vị gửi phản hồi bằng văn bản về Phòng Quản lý đào tạo Sau Đại học để tổng hợp, báo cáo Hiệu trưởng xem xét, sửa đổi bổ sung cho phù hợp. /



